



SAFETY JOGGER

PROFESSIONAL



Ảnh sáng

JUNO 01

JUN001

ang và đầ c năng để tạc ợp
hải cao JUNO là một ng ôi g và kh năng hấp thụ năng l ư gót chân củ
JUNO cũng có đế ngoài bằn g cao su mắi t ại, yế đặ tính
ch ố n g tính điệ n và có nhiệt độ 30 C.

Những vật liệu cao cấp hời 3D	Lướ
lót bên trong	ị thép
trong	Đ
ngoài	Đ
Loại	Phylon/Cao Su tái chế
Phạm vi kích thước	01 / SR, F0
	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5
	JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
g lượng	0.263 kg
ấn	ASTM F2892-2018
hầu chu	EN ISO 20347:2022(Europe)



BLK



BLU



WHT



Phần trên thoáng khí
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ của môi trường lâu hơn.



Tay cầm Oxy / Tay cầm SJ
e ngoài bằn g cao su Oxytraction mắi t ại, yế đặ tính
trên cả sàn nh ề và SRC (SRA+ SRB).



SRC
rước là một trong những tính năng quan trọng và
giày bảo hộ SRC đi qua cả bài
rượt SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gỗ.



Lướ
chống sốc và giảm nhiệt độ và độ ẩm t



hấp thụ gót chân
Sử hấp thụ năng lượng ở gót
chấn đạ mắi t ại, yế đặ tính
thể ng



SJ BỌ
ấm lót chân chống tĩnh điện có thể tháo rời
vẫn, dẫn hướng và hấp thụ sốc
gót chân và bàn chân, tăng khí và hút ẩm.

SAFETY JOGGER
WORKS

HEAD-TO-TOE
PROTECTION



Proudly ranked in the
top 1% by EcoVadis
for sustainability.

ENGINEERED
IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:
phục vụ ăn uống, làm sạch, chăm sóc thẩm mỹ và thuộc về y học công nghệ

Môi trường:
rủi ro môi trường, bề mặt không trơn trượt, Bề mặt cứng chắc

Các hướng dẫn an toàn:
Giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng cách hạn chế tiếp xúc với nước và chất lỏng.

Sự miêu tả	Đơn vị đo lường	Giá trị	K	EN ISO 20347
Nhấn vào vật liệu để biết thêm chi tiết				
Đặc tính bên trong	Top: khả năng thấm nước	mm/cm/g	25.3	≤ 0.8
	Top: độ bền	mg/cm ²	204	≥ 15
	Đế lót: độ bền	mm/cm/g	21.1	≤ 2
	Đế lót: độ bền	mg/cm ²	169	≥ 20
Đặc tính bên ngoài	Độ bền của đế lót	chu kỳ	25600/12800	25600/12800
	Độ bền của đế lót	chu kỳ	25600/12800	25600/12800
Đặc tính bên ngoài	Phylon/Cao Su tái chế			
	Chống mài mòn (mm)	mm	90	≥ 150
	Độ bền của đế lót	ma sát	0.42	≥ 0.28
	Độ bền của đế lót	ma sát	0.41	≥ 0.32
	Độ bền của đế lót	ma sát	0.18	≥ 0.13
	Độ bền của đế lót	ma sát	0.23	≥ 0.18
	Độ bền của đế lót	megaohm	30.5	0.1 - 1000
	Độ bền của đế lót	megaohm	N/A	0.1 - 100
Kích thước thép:				
Hấp thụ năng lượng khi rơi				
J				
30				
≥ 20				

Kích thước thép:

Giày này không chỉ có tính năng bảo vệ mà còn có tính năng chống trượt. Nó đã được chứng minh là an toàn và không gây hại cho môi trường. Nó đã được chứng minh là an toàn và không gây hại cho môi trường.



HEAD-TO-TOE
PROTECTION



Proudly ranked in the
top 1% by EcoVadis
for sustainability.

ENGINEERED
IN EUROPE

www.safetyjogger.com